

Số: 21/2024/QĐST - HNGĐ

Hưng Yên, ngày 20 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 118, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 75/2024/TLST - HNGĐ ngày 21/5/2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị Trần Thị N, sinh năm 1979

+ Anh Nguyễn Viết H, sinh năm 1977

Cùng HKTT: đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 01/4/2007

+ Cháu Nguyễn Viết S, sinh ngày 09/5/2009

+ Cháu Nguyễn Viết P, sinh ngày 09/3/2014

Người đại diện hợp pháp cho các cháu là anh Nguyễn Viết H và chị Trần Thị N là bố, mẹ đẻ các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H có tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Đ tại Hàn Quốc vào ngày 10/8/2007, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15/CNKH/07, quyền số 01. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa hợp hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quá trình chung sống vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau trong tính cách dẫn đến nhiều bất đồng. Ngoài ra làm ăn kinh tế không thuận lợi cũng là một nguyên nhân khiến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Đỉnh điểm tháng 03 năm 2023 do không thể tiếp tục chung sống vợ chồng chính

thức ly thân. Việc mâu thuẫn của anh, chị gia đình hai bên đều biết, mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng anh, chị vẫn không tìm được tiếng nói chung, trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không còn hỏi han, quan tâm đến nhau. Đến nay chị N và anh H cùng xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của chị N và anh H là có căn cứ và phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị N và anh H.

[2]. Về con chung: Chị N và anh H thống nhất vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 01/4/2007; Cháu Nguyễn Viết S, sinh ngày 09/5/2009 và cháu Nguyễn Viết P, sinh ngày 09/3/2014. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 01/4/2007 và cháu Nguyễn Viết S, sinh ngày 09/5/2009 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Viết P, sinh ngày 09/3/2014 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, tự lập được. Anh, chị không yêu cầu đối phương cấp dưỡng nuôi con. Chị N, anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H đều khẳng định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Chị N và anh H thỏa thuận chị N nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Viết H.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 01/4/2007 và cháu Nguyễn Viết S, sinh ngày 09/5/2009 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Viết P, sinh ngày 09/3/2014 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con chung cháu T, cháu S, cháu P đủ 18 tuổi. Anh H, chị N không yêu cầu các bên cấp dưỡng nuôi con. Chị N, anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, anh H, chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Trần Thị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số 0000425 ngày 21/5/2024 là 300.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Chị N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Hưng Yên;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc (ĐKKH số 15/CNKH/07, quyền số 01, ngày 10/8/2007);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Khuê